TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 236/2024/DS-ST
Ngày 20 - 9 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Giang

Bà Đoàn Thị Sim

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Bảo Trân là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 405/2024/TLST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2024 về việc "tranh chấp hợp đồng mua bán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 287/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Võ Văn Q, sinh năm 1964. Địa chỉ: Ấp V, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1987. Địa chỉ: Khóm A, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau, theo văn bản ủy quyền ngày 03/6/2024, (có mặt).

Bị đơn:

1. Ông Tô Văn B, sinh năm 1973

2. Bà Lê Thị T, sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Lê Thị T1, sinh năm 1973. Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau, theo văn bản ủy quyền ngày 20/8/2024, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện nguyên đơn trình bày:

Do quen biết làm ăn, ông Q có đầu tư bán thuốc, vôi, men xử lý nuôi tôm công nghiệp, nợ từng lần mua chuyển số nợ sang hóa đơn sau cộng dồn nhiều lần đối với vợ chồng ông B, bà T. Cụ thể như sau:

- Ngày 06/8/2016, nợ tiền theo hóa đơn cũ là 8.115.000 đồng, có mua mới tổng dồn nợ là 8.945.000 đồng (ông B có ký tên vào hóa đơn).

- Ngày 13/8/2016, nợ tiền theo hóa đơn cũ, cộng dồn mua mới nợ là 9.345.000 đồng (ông B có ký tên vào hóa đơn).

- Ngày 21/8/2016, nợ tiền theo hóa đơn cũ, cộng dồn mua mới nợ là 11.465.000 đồng (không có ký tên vào hóa đơn).

- Ngày 25/8/2016, nợ tiền theo hóa đơn cộng dồn cộng với mua mới là 12.020.000 đồng, bà T có gửi lại hàng quy ra tiền là 730.000 đồng, ngoài ra bà T có gửi thêm 1.000.000 đồng, đối trừ vợ chồng bà T, ông B còn nợ ông tổng cộng là 10.290.000 đồng.

Gia đình vợ chồng ông B, bà T nuôi tôm công nghiệp, quá trình nuôi tôm có nhu cầu mua lại phần thuốc xử lý nuôi tôm nên tôi bán lại, các bên không có lập hợp đồng mua bán mà chỉ thể hiện trong hóa đơn qua các lần lấy hàng hóa, nợ tiền được ghi trong hóa đơn, ông B là người lấy hàng và ký vào hóa đơn. Việc chốt nợ số tiền 10.290.000 đồng, ông Q có đòi gia đình vợ chồng ông B, bà T nhưng cứ hứa trả hết lần này đến lần khác mà không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền nợ theo hóa đơn ngày 13/8/2016 là 9.345.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Đại diện bị đơn trình bày:

Trước đây ông B và bà T có nuôi tôm công nghiệp, có mua thuốc thủy sản và thức ăn tôm của ông Q. Khi đó vợ chồng ông B, bà T đã trả đủ số tiền mua thức ăn tôm và thuốc thủy sản cho ông Q, quá trình giao dịch ông B và bà T có nợ ông Q 9.345.000 đồng theo bảng kê hàng ngày 13/8/2016 và đây là lần giao dịch cuối cùng của hai bên. Sau đó ông B và bà T đã trả toàn bó ố nợ này cách đây khoảng 03 năm, trả trực tiếp cho ông Q nhận, việc trả không làm giấy tờ gì, hiện nay ông B bà T không còn nợ tiền của ông Q nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng mua bán thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 9.345.000 đồng, không yêu cầu tính lãi nên được xem là nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, việc thay đổi không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[3] Về nội dung: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn thống nhất hai bên có giao dịch mua bán thuốc thủy sản với nhau, thỏa thuận bằng lời nói, theo đó bị đơn mua thuốc thủy sản do nguyên đơn cung cấp, thanh toán theo hóa đơn từng lần, nếu thanh toán không đủ thì cộng dồn vào hóa đơn mua lần sau và thống nhất lần giao dịch cuối cùng giữa hai bên là ngày 13/8/2016 với số tiền 9.345.000 đồng, theo bảng kê hàng ngày 13/8/2016.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nêu trên do từ khi chốt nợ đến nay bị đơn không thanh toán, bị đơn xác định có nợ số tiền nêu trên nhưng đã thanh toán xong cách đây khoảng 03 năm.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 9.345.000 đồng, bị đơn thống nhất có nợ số tiền này, đây là sự kiện, tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn thừa nhận có nợ số tiền nêu trên nhưng đã trả toàn bộ số nợ này, tuy nhiên ngoài lời trình bày của mình thì phía bị đơn không đưa ra được chứng cứ, chứng minh đã trả hết số nợ trên và cũng không được phía nguyên đơn thừa nhận nên lời trình bày của bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 9.345.000 đồng nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số nợ này là có căn cứ, được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu là: 467.250 đồng.

Nguyên đơn được miễn dự nộp do thuộc trường hợp là người cao tuổi.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 244, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 430, 440 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn Q. Buộc ông Tô Văn B và bà Lê Thị T liên đới trả cho ông Q số tiền 9.345.000 đồng (Chín triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời

gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Võ Văn Q được miễn.

- Ông Tô Văn B và bà Lê Thị T phải chịu 467.250 đồng (Bốn trăm sáu mươi bảy nghìn hai trăm năm mươi đồng), chưa nộp.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Hồ Dũng Liêm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Giang **Đoàn Thị Sim** **Hồ Dũng Liêm**